

Đơn vị: Trung tâm Khuyến công Xúc tiến thương mại và Phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình  
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày 18 tháng 02 năm 2021

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	Nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nộp NSNN				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.712,3		4.712,3	100%
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.031,2		1.027,0	99.59%
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>				
2.1	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 18 tháng 2 năm 2021  
  
 Chủ trương đơn vị  
 Vũ Văn Hưng

Đơn vị: Trung tâm Khuyến công XTTM và phát triển cụm công

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN KHỎI TỈNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2020

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020 (Kinh phí được chi từ ngân sách cấp)					Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Dự toán giảm trừ NSNN năm 2020	Kinh phí chuyên nguồn năm 2019 sang năm 2020	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong năm	Lũy kế từ đầu năm		
A	B	1= 2+3+4	2	3		4	5	6	7 = 1-6	8
I	TT Khuyến công XTTM và phát triển cụm công nghiệp									
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.743.495.0</b>	<b>5.450.265.0</b>				<b>5.739.265.0</b>	<b>5.816.265.0</b>	<b>4.230.0</b>	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (thường xuyên)	4.712.230.0	4.419.000.0			293.230.0	4.712.230.0	4.712.230.0	-	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (không thường xuyên)	1.031.265.0	1.031.265.0	71.735.0			1.027.035.0	1.104.035.0	4.230.0	
2.1	<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>112.000.0</b>	<b>112.000.0</b>				<b>107.770.0</b>	<b>107.770.0</b>	<b>4.230.0</b>	
1	Máy vi tính (03 bộ)	36.000.0	36.000.0				34.170.0	34.170.0	1.830.0	
2	Bàn ghế làm việc (03 bộ)	14.000.0	14.000.0				14.000.0	14.000.0		
3	Bàn ghế lãnh đạo (02 bộ)	18.000.0	18.000.0				18.000.0	18.000.0	-	
4	Máy in (02 máy)	9.000.0	9.000.0				9.000.0	9.000.0	-	
5	Hệ thống camera	11.000.0	11.000.0				11.000.0	11.000.0	-	
6	Điều hòa ( 2 điều hòa)	24.000.0	24.000.0				21.600.0	21.600.0	2.400.0	



<b>2.2</b>	<b>Sửa chữa</b>	<b>216.000.0</b>	<b>216.000.0</b>				<b>216.000.0</b>	<b>216.000.0</b>	-
1	Sửa chữa ô tô con	27.000.0	27.000.0				27.000.0	27.000.0	
2	Diệt mối cơ quan	27.000.0	27.000.0				27.000.0	27.000.0	-
3	Sửa chữa nhà cửa	162.000.0	162.000.0				162.000.0	162.000.0	
<b>2.3</b>	<b>Nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>703.265.0</b>	<b>703.265.0</b>				<b>703.265.0</b>	<b>780.265.0</b>	-
1	Chi phí khảo sát, đánh giá định kỳ công tác quản lý, theo dõi về cụm CN, làm việc với UBND các huyện TP, tình hình sx KD của các DN, hộ sx trong cụm CN .	35.692.0	35.692.0				35.692.0	35.692.0	-
2	Làm việc với các đơn vị thuộc BCT điều chỉnh, mở rộng tiến độ của các cụm CN vào quy hoạch phát triển cụm CN; tham dự các hội nghị do Bộ công thương tổ chức	10.560.0	10.560.0				10.560.0	10.560.0	-
3	Chi phí làm việc các nhà đầu tư và đưa đi khảo sát các cụm CN, vị trí mới để xác định địa điểm đầu tư	29.850.0	29.850.0				29.850.0	29.850.0	-
4	Chi phí kêu gọi thu hút các DN đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thứ cấp ngoài tỉnh đầu tư vào cụm CN	12.450.0	12.450.0				12.450.0	12.450.0	
5	In bổ sung thêm bộ ấn phẩm "Cụm CN tỉnh NB cơ hội đầu tư và phát triển" giới thiệu quy hoạch phát triển 25 cụm CN trên địa bàn cung cấp nhà đầu tư	69.120.0	69.120.0				69.120.0	69.120.0	-
6	In bổ sung thêm bộ ấn phẩm "Cụm CN Cầu yên, CCN gia phú, CCN Gia vân, CCN Khánh Hồng, CCN Khánh Thành, CCN Khánh Thượng, Mai sơn, Văn phong, Khánh Nhạc, Đồng Hương, Gia Lập, Khánh Hải I, Khánh Hải II.	86.400.0	86.400.0				86.400.0	86.400.0	-
7	Chi phí xây dựng nâng cấp duy trì trang web	118.700.0	118.700.0				118.700.0	195.700.0	

8	Kinh phí quản lý quỹ khuyến công quốc gia	41.180.0	41.180.0				41.180.0	41.180.0		
9	Kinh phí quản lý quỹ khuyến công địa phương	61.785.0	61.785.0				61.785.0	61.785.0		
10	Kinh phí tiết kiệm năng lượng								-	
11	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh NB	148.206.0	148.206.0				148.206.0	148.206.0	-	
12	Kinh phí quản lý chương trình XTTM địa phương	63.008.0	63.008.0				63.008.0	63.008.0		
13	Duy trì phần mềm tài sản	2.000.0	2.000.0				2.000.0	2.000.0	-	
14	Bản tin công thương									
15	Bản tin giá cả truyền hình	24.314.0	24.314.0				24.314.0	24.314.0	-	

